

BÀI 47: QUẦN THỂ SINH VẬT

I. Khái niệm quần thể sinh vật :

- Quần thể sinh vật là: tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong 1 khoảng không gian nhất định, ở một thời điểm nhất định, những cá thể trong loài có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

- Ví dụ: Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.

II. Những đặc trưng cơ bản của quần thể:

1. Tỷ lệ giới tính

- Tỷ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực/cá thể cái. Tỷ lệ này có quan hệ mật thiết đến sức sinh sản của quần thể.

- Tỷ lệ giới tính thay đổi phụ thuộc vào: nhóm tuổi của quần thể, sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái, điều kiện môi trường...

VD :

+ Vào mùa sinh sản, thằn lằn và rắn có số lượng cá thể cái cao hơn số lượng cá thể đực, sau mùa sinh sản số lượng lại bằng nhau.

+ Ở một số loài rùa trứng được ủ ở nhiệt độ $< 28^{\circ}\text{C}$ sẽ nở thành con đực, nếu ủ ở nhiệt độ $> 32^{\circ}\text{C}$ sẽ nở thành con cái..

2. Thành phần nhóm tuổi

- Quần thể có 3 nhóm tuổi chính: nhóm tuổi trước sinh sản, nhóm tuổi sinh sản và nhóm tuổi sau sinh sản. (SGK)

3.* Mật độ cá thể của quần thể

- Mật độ của quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong một đơn vị diện tích hay thể tích.

- Ví dụ: mật độ sâu rau : 2 con/ m^2 ruộng rau.

- Mật độ cá thể của quần thể không cố định.

- Trong nông nghiệp cần có biện pháp kỹ thuật giữ mật độ quần thể thích hợp là: trồng số lượng hợp lý, loại bỏ cá thể yếu trong đàn, cung cấp đầy đủ thức ăn...

III. Ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật.

- Số lượng cá thể tăng khi môi trường sống có khí hậu phù hợp, nguồn thức ăn dồi dào và nơi ở rộng rãi... khi số lượng cá thể tăng lên quá cao, nguồn thức ăn trở nên hạn

kiếm, thiếu nơi ở và nơi sinh sản nhiều cá thể bị chết → mật độ cá thể giảm xuống → mật độ cá thể được điều chỉnh trở về mức cân bằng.

BÀI 48: QUẦN THỂ NGƯỜI

I. Sự khác nhau giữa quần thể người và các quần thể sinh vật khác:

- Quần thể người và quần thể sinh vật có những đặc điểm giống nhau: giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản và tử vong.
- Tuy nhiên, quần thể người còn có những đặc điểm khác mà quần thể sinh vật không có: pháp luật, kinh tế, hôn nhân, giáo dục, văn hóa, xã hội.
- Con người có những đặc điểm khác với quần thể sinh vật khác vì: con người có lao động và tư duy, có khả năng điều chỉnh đặc điểm sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

II. Đặc trưng về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người:

- Dân số ở quần thể người được chia thành ba nhóm tuổi chính: (xem SGK)
- Đặc trưng dân số mỗi nước được thể hiện qua tháp dân số.
- Sự khác nhau giữa tháp dân số trẻ và tháp dân số già:

Tháp dân số trẻ	Tháp dân số già
- Đáy rộng : số lượng trẻ con sinh ra hằng năm cao. - Cạnh tháp xiên nhiều và đỉnh tháp nhọn: biểu hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ trung bình thấp.	- Đáy hẹp : số lượng trẻ con sinh ra hằng năm thấp. - Cạnh tháp gần như thẳng đứng và đỉnh không nhọn, biểu hiện tỉ lệ tử vong thấp, tuổi thọ trung bình cao.

- Ý nghĩa: khi nghiên cứu tháp tuổi để có kế hoạch điều chỉnh mức tăng giảm dân số.

III. Tăng dân số và phát triển xã hội:

- Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong. Tuy nhiên, trong tự nhiên sự tăng giảm dân số còn phụ thuộc vào sự di cư.
- Khi dân số tăng quá nhanh làm cho nguồn tài nguyên cạn kiệt, tài nguyên tái sinh không đủ cung cấp dẫn tới hậu quả.
 - + Thiếu nơi ở, lương thực, trường học, bệnh viện.
 - + Ô nhiễm môi trường.
 - + Cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

+ Chậm phát triển kinh tế.

+ Thiên tai thường xuyên xảy ra.

- Để hạn chế sự ảnh hưởng xấu của việc tăng dân số, mỗi quốc gia cần phát triển dân số hợp lí tạo được sự hài hòa giữa kinh tế và xã hội đảm bảo cuộc sống cho mỗi cá nhân, gia đình và xã hội.